

# HỒ CHÍ MINH VỚI HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CÁC ĐẠI HỘI CỦA ĐẢNG

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

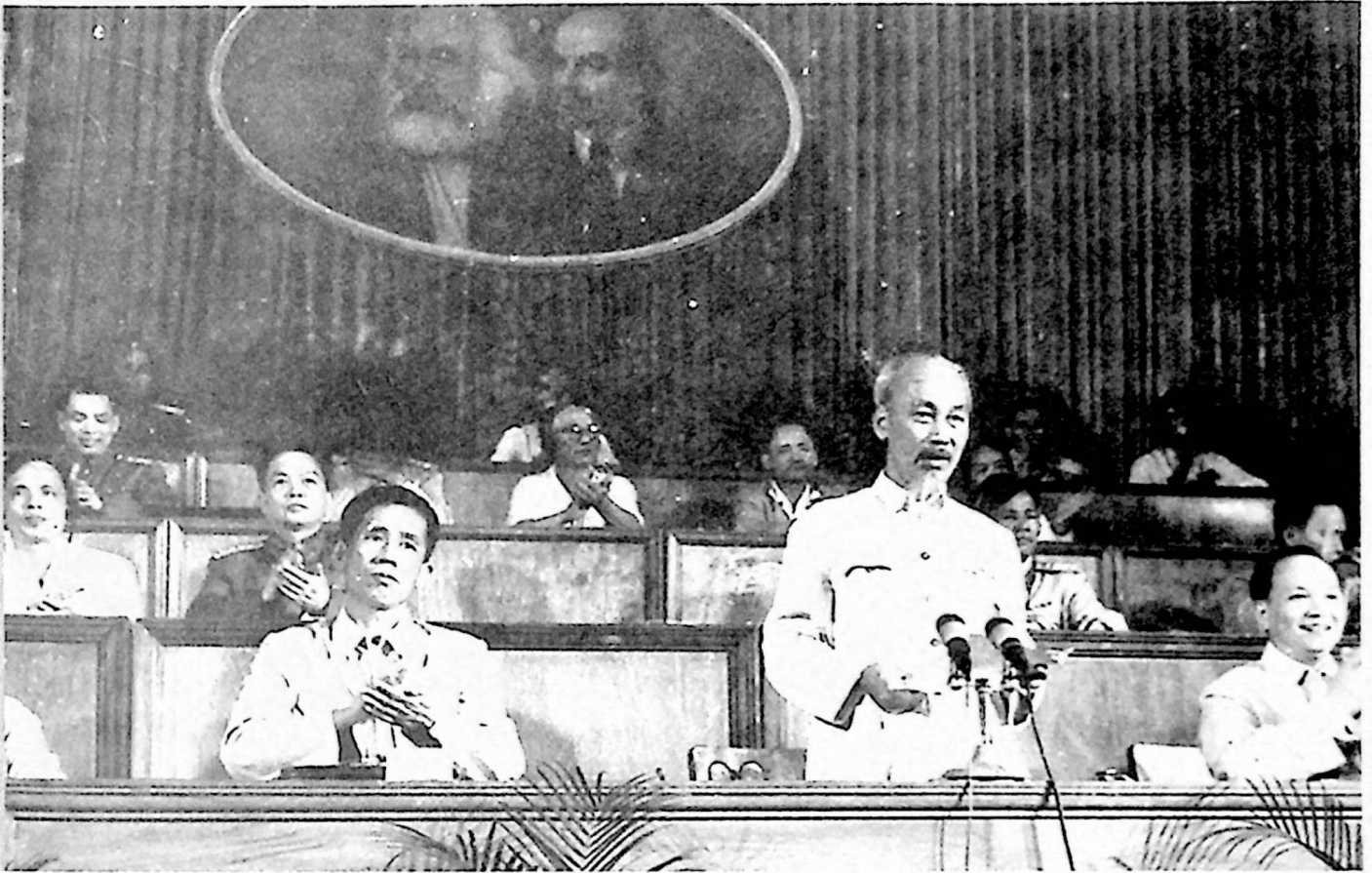
*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**Tóm tắt:** Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì là sự kiện lịch sử đặc biệt, có tầm quan trọng như một Đại hội. Đó là kết quả của quá trình chuẩn bị công phu, căn bản cả về lý luận chính trị-thực tiễn và tổ chức cán bộ của Người cùng các chiến sĩ cách mạng tiên bối. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng có giá trị bền vững; Đại hội I (3-1935) của Đảng mở đầu sự khôi phục, phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, Nguyễn Ái Quốc chính thức là đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản; đường lối, chiến lược cách mạng của Đảng và Hồ Chí Minh đã đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945. Đại hội II (2-1951) của Đảng do Người trực tiếp chỉ đạo đưa kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Đại hội III (9-1960) của Đảng hoạch định hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng bảo đảm toàn thắng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng xã hội chủ nghĩa trở thành cơ sở lý luận để Đảng xác định đường lối đổi mới tại Đại hội VI và thành công trong xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.

**Từ khóa:** Hồ Chí Minh; Đại hội Đảng; Cương lĩnh, đường lối của Đảng

Năm 1923, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh rời nước Pháp sang Liên Xô, hoạt động trong Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, Người tới Quảng Châu (Trung Quốc) và tại đây, năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên-tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mùa Xuân năm Canh Ngọ (1930), Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị họp tại Hồng Kông

(Trung Quốc) từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930. Dự hội nghị có 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh; 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng là Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu. Đông Dương Cộng sản liên đoàn mới thành lập nên chưa kịp triệu tập dự hội nghị. Các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn là những người lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên trước đó, được phân công tổ chức hội nghị. Đây là sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt, Hội nghị



Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, tháng 9-1960

thành lập Đảng có vai trò như Đại hội đại biểu toàn quốc.

Với sự lãnh đạo và uy tín chính trị của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã đi đến thống nhất thành lập một Đảng cách mạng duy nhất và thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Đã thống nhất hệ thống tổ chức đảng cả nước trên cơ sở đoàn kết, xóa bỏ mọi thành kiến, nhận thức khác nhau để xây dựng Đảng theo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cương lĩnh khẳng định rõ mục tiêu chiến lược của cách mạng: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, “để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>. Phải đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc, phong kiến, làm cách mạng ruộng đất, xây dựng Nhà nước công-nông-binh thực hiện các quyền tự do dân chủ và quyền lợi của nhân dân. Đó thật sự là một

cuộc cách mạng triệt để, giải quyết đúng đắn mâu thuẫn cơ bản của xã hội là mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp. Cương lĩnh của Đảng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và đoàn kết quốc tế, “liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới”<sup>2</sup>, gắn liền sự nghiệp cách mạng của quốc gia, dân tộc với cách mạng quốc tế. Trước yêu cầu phát triển phong trào cách mạng và theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, HNTU Đảng lần thứ nhất (10-1930) do đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, chủ trì đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương với trách nhiệm lãnh đạo cách mạng 3 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia.

Đại hội I Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935. Cách mạng Việt Nam vừa trải qua

những năm tháng đầy oanh liệt. Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh đã mở đầu vẻ vang sự nghiệp đấu tranh do Đảng lãnh đạo. Phong trào đã bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt trong máu lửa. Đến giữa năm 1931, Trung ương Đảng bị địch bắt, nhiều đồng chí lãnh đạo hy sinh, Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh ngày 6-9-1931. Không còn Trung ương, các tổ chức đảng ở địa phương cũng bị địch phá vỡ. Tháng 6-1934 phải thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài do đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập lãnh đạo để thực hiện nhiệm vụ của Trung ương, khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng trong nước và chuẩn bị Đại hội I của Đảng. Đại hội I (1935) đánh dấu sự khôi phục phong trào cách mạng và từng bước phục hồi tổ chức, tiếp tục phát triển đường lối đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc theo mục tiêu của Đảng. Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư; Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 đồng chí. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam ngày 6-6-1931. Năm 1933 được trả tự do và đầu năm 1934, Người trở lại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova (Liên Xô). Vì vậy, Người không trực tiếp dự Đại hội I của Đảng. Tại Đại hội, Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và “được Ban Chỉ huy ở ngoài và Ban Trung ương của Đảng chỉ định là đại diện của Đảng ở Quốc tế Cộng sản”<sup>3</sup>.

Từ Đại hội I đến Đại hội II (họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang), sự nghiệp cách mạng trải qua 16 năm với những dấu mốc lịch sử và những thắng lợi vẻ vang: Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc cùng Trung ương Đảng hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc và lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Tiếp đó, Đảng, Nhà nước lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống cuộc xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập và chính quyền dân chủ nhân dân. Cách mạng Lào và Campuchia cũng phải chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Đại hội II của Đảng thấy rõ sự cần thiết xây dựng ở mỗi nước Đông Dương một đảng cách mạng riêng. Ở Việt Nam, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam do Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày, là sự tổng kết 21 năm, kể từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, phát triển đường lối kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, tiến lên theo con đường CNXH. Đồng chí Hồ Chí Minh được suy tôn làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường-Chinh tiếp tục được bầu làm Tổng Bí thư. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhiệm vụ của Đại hội là: “Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn”<sup>4</sup>.

Đại hội III Đảng Lao động Việt Nam họp tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954) và ký kết Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954), kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng tiến lên CNXH, miền Nam vẫn phải tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ để đi đến thống nhất đất nước. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”<sup>5</sup>. Xây dựng CNXH là nhiệm vụ mới mẻ, khó khăn. Hồ Chí Minh lưu ý phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm của các nước XHCN

để tạo ra quy luật riêng của Việt Nam, định ra đường lối, phương châm, hình thức, bước đi để tiến dần lên CNXH. Xây dựng miền Bắc vững mạnh làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tại Đại hội, đồng chí Hồ Chí Minh tiếp tục được suy tôn làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh và đường lối do Đại hội III đề ra với hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở 2 miền Nam, Bắc đã đưa miền Bắc phát triển theo con đường XHCN đạt những thành tựu quan trọng, đưa sự nghiệp chống đế quốc Mỹ, cứu nước đến toàn thắng, hoàn thành thống nhất đất nước ngày 30-4-1975.

Ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang lãnh đạo sự nghiệp đổi mới với những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Chưa bao giờ đất nước có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay. Cần phải nhận thức và thực hiện tốt hơn những bài học lịch sử và những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Một là, Đảng luôn luôn kiên định, bồi đắp, nhận thức đúng đắn, vận dụng sáng tạo và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.* Chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, không ngừng nghiên cứu, nâng cao trình độ lý luận và tổng kết thực tiễn. Kiên định nguyên tắc đồng thời sáng tạo và phát triển. Không kiên định sẽ rơi vào chủ nghĩa xét lại, chệch hướng, nhưng không sáng tạo, phát triển sẽ mắc bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí.

*Hai là, kiên định mục tiêu chiến lược: Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường mà Đảng và Bác Hồ đã dứt khoát lựa chọn từ năm 1930 khi Đảng ra đời.* Chú trọng bổ

sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, chống nguy cơ sai lầm về đường lối, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Phấn đấu đưa nước Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và trở thành nước phát triển theo định hướng XHCN vào năm 2045 như Đại hội XIII (2021) của Đảng đề ra.

*Ba là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng luôn luôn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng, phải tăng cường xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng.* Kiên quyết chống biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Người cán bộ, đảng viên phải là tấm gương về đạo đức, tiêu biểu về trí tuệ, bản lĩnh vững vàng, năng động, sáng tạo trong tư duy và có uy tín trong Đảng và trong nhân dân. Phấn đấu để Đảng thật sự “là đạo đức, là văn minh” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1, 2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 1, 4

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 5, tr. 203

4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 37

5. *Sđd*, T. 12, tr. 673.